

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả dự án Tổng điều tra đánh giá chất lượng đất,
tiềm năng đất đai lần đầu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1978/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện dự án Tổng điều tra đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Tổng điều tra đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 898/TTr-SNNMT ngày 26/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả dự án Tổng điều tra đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (sau đây viết tắt là dự án), với nội dung như sau:

1. Kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất

Tổng diện tích điều tra, đánh giá chất lượng đất tỉnh Lạng Sơn là 472.377 ha (gồm 458.536 ha đất nông nghiệp - không bao gồm đất rừng là rừng tự nhiên và 13.841 ha đất chưa sử dụng - không bao gồm đất núi đá không có rừng cây).

Kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất đã xác định được 559 đơn vị chất lượng đất, tổng diện tích 459.189 ha và 13.188 ha diện tích núi đá có rừng cây nằm trong đối tượng điều tra, đánh giá chất lượng của dự án (tuy nhiên, khu vực này toàn bộ là đất núi đá, không thực hiện điều tra phân diện đất, lấy mẫu đất nên không tổng hợp đơn vị chất lượng đất, chỉ điều tra, đánh giá tiềm năng đất đai).

Kết quả phân mức 459.189 ha đất theo các mức chất lượng đất thấp, trung bình, cao trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như sau:

1.1. Chất lượng đất thấp có 55.337 ha, chiếm 12,05% tổng diện tích điều tra. Có 27 đơn vị chất lượng đất được đánh giá ở mức thấp, tập trung ở các đơn vị chất lượng đất: DVD441, DVD477, DVD461, DVD542, DVD515, DVD450,... Đây là các đơn vị chất lượng đất có đặc điểm độ phì nhiêu thấp, tầng đất mỏng đến trung bình, chế độ tưới nhờ nước trời, phân bố ở địa hình cao, khí hậu không thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

1.2. Chất lượng đất trung bình có 371.746 ha, chiếm 80,96% tổng diện tích điều tra. Có 378 đơn vị chất lượng đất được đánh giá ở mức độ chất lượng đất trung bình, tập trung ở các đơn vị chất lượng đất DVD443, DVD452, DVD454, DVD479, DVD513, DVD517, DVD519, DVD521, DVD544,... Đây là các đơn vị chất lượng đất có đặc điểm độ phì nhiêu chủ yếu từ trung bình đến cao, độ dày tầng đất từ mỏng đến trung bình, chế độ tưới chủ yếu nhờ nước trời và bán chủ động, được phân bố ở tất cả các địa hình, khí hậu tương đối thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

1.3. Chất lượng đất cao có 32.107 ha chiếm 6,99% tổng diện tích điều tra. Có 154 đơn vị chất lượng đất được đánh giá ở mức độ chất lượng đất cao, tập trung ở các đơn vị chất lượng đất: DVD56, DVD60, DVD62, DVD63, DVD78, DVD160, DVD205, DVD266,... Đây là các đơn vị chất lượng đất có đặc điểm độ phì nhiêu từ trung bình đến cao, độ dày tầng đất từ trung bình đến dày, chế độ tưới bán chủ động đến chủ động, phân bố ở khu vực địa hình thấp đến trung bình, khí hậu thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

(Chi tiết thống kê đặc điểm, diện tích của các đơn vị chất lượng đất tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này; Tổng hợp các đơn vị chất lượng đất theo mục đích sử dụng và theo đơn vị hành chính tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này; Số liệu diện tích điều tra, đánh giá chất lượng đất lấy theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 tỉnh Lạng Sơn).

2. Kết quả điều tra, đánh giá tiềm năng đất đai

Tổng diện tích điều tra, đánh giá tiềm năng đất đai của tỉnh Lạng Sơn là 485.006 ha (gồm 458.536 ha đất nông nghiệp - không bao gồm đất rừng là rừng tự nhiên; 12.630 ha đất phi nông nghiệp - bao gồm đất các công trình xây dựng; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; đất bãi thải, xử lý chất thải; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa và 13.841 ha đất chưa sử dụng - không bao gồm đất núi đá không có rừng cây).

Kết quả điều tra, đánh giá tiềm năng đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

như sau:

a) Diện tích đất có mức tiềm năng thấp là: 62.039 ha, chiếm 12,79% tổng diện tích điều tra. Tập trung ở các khu vực huyện Văn Quan (cũ) với 21,92% diện tích điều tra của huyện; khu vực huyện Trảng Định (cũ) với 21,02% diện tích điều tra của huyện; khu vực huyện Văn Lãng (cũ) với 18,85% diện tích điều tra của huyện,...

b) Diện tích đất có mức tiềm năng trung bình là: 347.673 ha, chiếm 71,68% tổng diện tích điều tra. Tập trung ở các khu vực huyện Lộc Bình (cũ) với 79,24% diện tích điều tra của huyện; khu vực huyện Chi Lăng (cũ) với 77,67% diện tích điều tra của huyện; khu vực huyện Hữu Lũng (cũ) với 77,41% diện tích điều tra của huyện; khu vực huyện Đình Lập (cũ) với 76,03% diện tích điều tra của huyện; khu vực huyện Cao Lộc (cũ) với 75,62% diện tích điều tra của huyện;...

c) Diện tích đất có mức tiềm năng cao là: 75.294 ha, chiếm 15,52% tổng diện tích điều tra. Tập trung ở các khu vực huyện Văn Quan (cũ) với 34,98% diện tích điều tra của huyện; khu vực thành phố Lạng Sơn (cũ) với 26,45% diện tích điều tra của thành phố; khu vực huyện Văn Lãng (cũ) với 24,13% diện tích điều tra của huyện; khu vực huyện Bình Gia (cũ) với 19,27% diện tích điều tra của huyện; khu vực huyện Bắc Sơn (cũ) với 17,99% diện tích điều tra của huyện;...

2.1. Kết quả điều tra, đánh giá tiềm năng đất đai theo mục đích sử dụng đất

Kết quả đánh giá tiềm năng đất đai theo mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như sau:

a) Đất trồng lúa: trong tổng số 43.478 ha điều tra tiềm năng đất đai, có 14.141 ha tiềm năng cao, 23.223 ha tiềm năng trung bình và 6.115 ha tiềm năng thấp.

b) Đất trồng cây hàng năm khác: trong tổng số 41.982 ha điều tra tiềm năng đất đai, có 5.554 ha tiềm năng cao, 28.982 ha tiềm năng trung bình và 7.446 ha tiềm năng thấp.

c) Đất trồng cây lâu năm: trong tổng số 28.742 ha điều tra tiềm năng đất đai, có 7.080 ha tiềm năng cao, 17.395 ha tiềm năng trung bình và 4.268 ha tiềm năng thấp.

d) Đất rừng sản xuất: trong tổng số 310.847 ha điều tra tiềm năng đất đai, có 36.824 ha tiềm năng cao, 243.654 ha tiềm năng trung bình và 30.369 ha tiềm năng thấp.

đ) Đất rừng phòng hộ: trong tổng số 31.410 ha điều tra tiềm năng đất đai, có 10.576 ha tiềm năng cao, 20.833 ha tiềm năng trung bình và không có tiềm năng thấp.

e) Đất rừng đặc dụng: trong tổng số 54 ha điều tra tiềm năng đất đai, toàn bộ ở mức tiềm năng cao, không có tiềm năng thấp và trung bình.

g) Đất nuôi trồng thủy sản: trong tổng số 1.854 ha điều tra tiềm năng đất

đai, có 1.066 ha tiềm năng cao, 788 ha tiềm năng trung bình và không có tiềm năng thấp.

h) Đất nông nghiệp khác: trong tổng số 169 ha điều tra tiềm năng đất đai, toàn bộ ở mức tiềm năng trung bình, không có tiềm năng cao và tiềm năng thấp.

i) Đất các công trình xây dựng: trong tổng số 10.610 ha điều tra tiềm năng đất đai, toàn bộ ở mức tiềm năng trung bình, không có mức tiềm năng cao và thấp.

k) Đất sử dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: trong tổng số 826 ha điều tra tiềm năng đất đai, toàn bộ ở mức tiềm năng trung bình, không có mức tiềm năng cao và thấp.

l) Đất bãi thải, xử lý chất thải: trong tổng số 597 ha điều tra tiềm năng đất đai, toàn bộ ở mức tiềm năng trung bình, không có mức tiềm năng cao và thấp.

m) Đất nghĩa trang, nghĩa địa: trong tổng số 597 ha điều tra tiềm năng đất đai, toàn bộ ở mức tiềm năng trung bình, không có mức tiềm năng cao và thấp.

n) Đất chưa sử dụng: Trong tổng số 13.841 ha điều tra tiềm năng đất đai, toàn bộ ở mức tiềm năng thấp, không có tiềm năng cao và trung bình.

2.2. Kết quả điều tra, đánh giá tiềm năng đất đai theo khu vực

Kết quả điều tra, đánh giá tiềm năng đất đai theo khu vực trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như sau:

a) Khu vực thành phố Lạng Sơn (cũ): trong tổng số 6.729 ha điều tra tiềm năng đất đai, có 1.780 ha tiềm năng cao, 3.949 ha tiềm năng trung bình và 1.000 ha tiềm năng thấp.

b) Khu vực huyện Bắc Sơn (cũ): trong tổng số 30.252 ha điều tra tiềm năng đất đai, có 5.444 ha tiềm năng cao, 22.315 ha tiềm năng trung bình và 2.493 ha tiềm năng thấp.

c) Khu vực huyện Bình Gia (cũ): trong tổng số 40.828 ha điều tra tiềm năng đất đai, có 7.867 ha tiềm năng cao, 26.983 ha tiềm năng trung bình và 5.977 ha tiềm năng thấp.

d) Khu vực huyện Cao Lộc (cũ): trong tổng số 48.971 ha điều tra tiềm năng đất đai, có 7.364 ha tiềm năng cao, 37.033 ha tiềm năng trung bình và 4.575 ha tiềm năng thấp.

đ) Khu vực huyện Chi Lăng (cũ): trong tổng số 37.692 ha điều tra tiềm năng đất đai, có 5.030 ha tiềm năng cao, 29.274 ha tiềm năng trung bình và 3.387 ha tiềm năng thấp.

e) Khu vực huyện Đình Lập (cũ): trong tổng số 94.723 ha điều tra tiềm năng đất đai, có 10.722 ha tiềm năng cao, 72.020 ha tiềm năng trung bình và 11.980 ha tiềm năng thấp.

g) Khu vực huyện Hữu Lũng (cũ): trong tổng số 49.300 ha điều tra tiềm năng đất đai, có 7.238 ha tiềm năng cao, 38.162 ha tiềm năng trung bình và 3.900 ha tiềm năng thấp.

h) Khu vực huyện Lộc Bình (cũ): trong tổng số 76.923 ha điều tra tiềm năng đất đai, có 7.898 ha tiềm năng cao, 60.951 ha tiềm năng trung bình và 8.074 ha tiềm năng thấp.

i) Khu vực huyện Tràng Định (cũ): trong tổng số 42.896 ha điều tra tiềm năng đất đai, có 4.912 ha tiềm năng cao, 28.968 ha tiềm năng trung bình và 9.016 ha tiềm năng thấp.

k) Khu vực huyện Văn Lãng (cũ): trong tổng số 25.747 ha điều tra tiềm năng đất đai, có 6.214 ha tiềm năng cao, 14.682 ha tiềm năng trung bình và 4.852 ha tiềm năng thấp.

l) Khu vực huyện Văn Quan (cũ): trong tổng số 30.945 ha điều tra tiềm năng đất đai, có 10.825 ha tiềm năng cao, 13.336 ha tiềm năng trung bình và 6.784 ha tiềm năng thấp.

(Chi tiết thống kê diện tích tiềm năng đất đai theo mục đích sử dụng và theo đơn vị hành chính tại Phụ lục 03 kèm theo Quyết định này).

3. Kết quả điều tra, phân hạng đất nông nghiệp

Tổng diện tích điều tra, phân hạng đất nông nghiệp của tỉnh Lạng Sơn là 458.367 ha (toàn bộ diện tích là nhóm đất nông nghiệp - trừ đất rừng là rừng tự nhiên và đất nông nghiệp khác). Kết quả điều tra, phân hạng đất nông nghiệp hiện tại trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như sau:

a) Diện tích hạng đất nông nghiệp ở mức rất thích hợp (H1) là 92.697 ha, chiếm 20,22% tổng diện tích điều tra. Diện tích tập trung ở các khu vực huyện Tràng Định (cũ) với 17.602 ha, khu vực huyện Bình Gia (cũ) với 17.001 ha, khu vực huyện Bắc Sơn (cũ) với 11.570 ha,...

b) Diện tích hạng đất nông nghiệp ở mức thích hợp (H2) là 329.611 ha, chiếm 71,91% tổng diện tích điều tra. Diện tích tập trung ở các khu vực huyện Đình Lập (cũ) với 79.384 ha, khu vực huyện Lộc Bình (cũ) với 65.433 ha, khu vực huyện Cao Lộc (cũ) với 36.082 ha, khu vực huyện Hữu Lũng (cũ) với 32.714 ha,...

c) Diện tích hạng đất nông nghiệp ở mức ít thích hợp (H3) là 20.201 ha, chiếm 4,41% tổng diện tích điều tra. Diện tích tập trung ở các khu vực huyện Hữu Lũng (cũ) với 7.371 ha, khu vực huyện Lộc Bình (cũ) với 2.326 ha, khu vực huyện Tràng Định (cũ) với 2.270 ha,...

d) Diện tích hạng đất nông nghiệp ở mức không thích hợp (H4) là 15.859 ha, chiếm 3,46% tổng diện tích điều tra. Diện tích tập trung ở các khu vực huyện Tràng Định (cũ) với 3.664 ha, khu vực huyện Bình Gia (cũ) với 2.632 ha, khu vực huyện Văn Quan (cũ) với 2.311 ha, khu vực huyện Hữu Lũng (cũ) với 2.292 ha, khu vực huyện Văn Lãng (cũ) với 2.193 ha,...

3.1. Kết quả điều tra, phân hạng đất nông nghiệp hiện tại theo mục đích sử dụng đất

Kết quả điều tra, phân hạng đất nông nghiệp hiện tại theo mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như sau:

a) Đất trồng lúa: trong tổng số 43.478 ha đánh giá phân hạng, có 22.687 ha đất rất thích hợp (H1), 20.792 ha đất thích hợp (H2). Không có diện tích đất ít thích hợp (H3) và đất không thích hợp (H4).

b) Đất trồng cây hàng năm khác: trong tổng số 41.982 ha đánh giá phân hạng, có 5.439 ha đất rất thích hợp (H1), 23.490 ha đất thích hợp (H2), 9.300 ha đất ít thích hợp (H3) và 3.753 ha đất không thích hợp (H4).

c) Đất trồng cây lâu năm: trong tổng số 28.742 ha đánh giá phân hạng, có 1.180 ha đất rất thích hợp (H1), 14.335 ha đất thích hợp (H2), 10.901 ha đất ít thích hợp (H3) và 2.326 ha đất không thích hợp (H4).

d) Đất rừng sản xuất: trong tổng số 310.847 ha đánh giá phân hạng, có 36.048 ha đất rất thích hợp (H1), 265.019 ha đất thích hợp (H2), không có diện tích đất ít thích hợp (H3) và có 9.780 ha đất không thích hợp (H4).

đ) Đất rừng phòng hộ: trong tổng số 31.410 ha đánh giá phân hạng, có 26.502 ha đất rất thích hợp (H1), 4.907 ha đất thích hợp (H2). Không có diện tích đất ít thích hợp (H3) và đất không thích hợp (H4).

e) Đất rừng đặc dụng: trong tổng số 54 ha đánh giá phân hạng, toàn bộ ở mức rất thích hợp (H1). Không có diện tích đất thích hợp (H2), đất ít thích hợp (H3) và đất không thích hợp (H4).

g) Đất nuôi trồng thủy sản: trong tổng số 1.854 ha đánh giá phân hạng, có 787 ha đất rất thích hợp (H1), 1.068 ha đất thích hợp (H2). Không có diện tích đất ít thích hợp (H3) và đất không thích hợp (H4).

3.2. Kết quả điều tra, phân hạng đất nông nghiệp hiện tại theo khu vực

Kết quả điều tra, phân hạng đất nông nghiệp hiện tại theo các khu vực trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như sau:

a) Khu vực thành phố Lạng Sơn (cũ): trong tổng số 5.675 ha đánh giá phân hạng, có 1.315 ha đất rất thích hợp (H1), 4.168 ha đất thích hợp (H2), 139 ha đất ít thích hợp (H3) và 54 ha đất không thích hợp (H4).

b) Khu vực huyện Bắc Sơn (cũ): trong tổng số 28.077 ha đánh giá phân hạng, có 11.570 ha đất rất thích hợp (H1), 15.159 ha đất thích hợp (H2), 808 ha đất ít thích hợp (H3) và 541 ha đất không thích hợp (H4).

c) Khu vực huyện Bình Gia (cũ): trong tổng số 39.593 ha đánh giá phân hạng, có 17.001 ha đất rất thích hợp (H1), 19.211 ha đất thích hợp (H2), 749 ha đất ít thích hợp (H3) và 2.632 ha đất không thích hợp (H4).

d) Khu vực huyện Cao Lộc (cũ): trong tổng số 47.240 ha đánh giá phân hạng, có 8.548 ha đất rất thích hợp (H1), 36.082 ha đất thích hợp (H2), 1.915 ha đất ít thích hợp (H3) và 695 ha đất không thích hợp (H4).

đ) Khu vực huyện Chi Lăng (cũ): trong tổng số 36.027 ha đánh giá phân hạng, có 5.556 ha đất rất thích hợp (H1), 27.872 ha đất thích hợp (H2), 1.608 ha đất ít thích hợp (H3) và 991 ha đất không thích hợp (H4).

e) Khu vực huyện Đình Lập (cũ): trong tổng số 86.598 ha đánh giá phân hạng, có 6.357 ha đất rất thích hợp (H1), 79.384 ha đất thích hợp (H2), 748 ha

đất ít thích hợp (H3) và 108 ha đất không thích hợp (H4).

g) Khu vực huyện Hữu Lũng (cũ): trong tổng số 46.616 ha đánh giá phân hạng, có 4.239 ha đất rất thích hợp (H1), 32.714 ha đất thích hợp (H2), 7.371 ha đất ít thích hợp (H3) và 2.292 ha đất không thích hợp (H4).

h) Khu vực huyện Lộc Bình (cũ): trong tổng số 73.272 ha đánh giá phân hạng, có 5.134 ha đất rất thích hợp (H1), 65.433 ha đất thích hợp (H2), 2.326 ha đất ít thích hợp (H3) và 379 ha đất không thích hợp (H4).

i) Khu vực huyện Tràng Định (cũ): trong tổng số 41.948 ha đánh giá phân hạng, có 17.602 ha đất rất thích hợp (H1), 18.412 ha đất thích hợp (H2), 2.270 ha đất ít thích hợp (H3) và 3.664 ha đất không thích hợp (H4).

k) Khu vực huyện Văn Lãng (cũ): trong tổng số 24.196 ha đánh giá phân hạng, có 5.678 ha đất rất thích hợp (H1), 14.660 ha đất thích hợp (H2), 1.665 ha đất ít thích hợp (H3) và 2.193 ha đất không thích hợp (H4).

l) Khu vực huyện Văn Quan (cũ): trong tổng số 29.124 ha đánh giá phân hạng, có 9.696 ha đất rất thích hợp (H1), 16.515 ha đất thích hợp (H2), 603 ha đất ít thích hợp (H3) và 2.311 ha đất không thích hợp (H4).

(Chi tiết thống kê diện tích hạng đất nông nghiệp theo mục đích sử dụng và theo đơn vị hành chính tại Phụ lục 04 kèm theo Quyết định này).

4. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất

4.1. Các giải pháp về quản lý, sử dụng đất bền vững: Giải pháp về cơ chế chính sách. Giải pháp về công tác khuyến nông, khuyến lâm. Giải pháp gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững. Giải pháp về chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Giải pháp về quản lý sử dụng đất.

4.2. Các giải pháp kỹ thuật để bảo vệ và cải tạo đất: Giải pháp về chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Giải pháp về thủy lợi. Giải pháp bón phân cân đối, hợp lý và hiệu quả cho cây trồng. Các giải pháp canh tác tiến bộ, bền vững. Giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ trong việc nâng cao chất lượng đất, tiềm năng đất đai.

5. Sản phẩm của dự án

5.1. Báo cáo

a) Báo cáo tổng hợp điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai tỉnh Lạng Sơn.

b) Báo cáo tổng hợp điều tra, phân hạng đất nông nghiệp tỉnh Lạng Sơn.

c) Phiếu kết quả phân tích mẫu đất.

5.2. Bản đồ

a) Bản đồ chất lượng đất tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/100.000.

b) Bản đồ tiềm năng đất đai tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/100.000.

c) Bản đồ định hướng sử dụng đất bền vững tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/100.000.

d) Bản đồ phân hạng đất nông nghiệp tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/100.000.

5.3. Sản phẩm trung gian

Dữ liệu trung gian: gồm bản đồ chuyên đề; lớp thông tin chuyên đề (trung gian) được lập trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện theo tỷ lệ của bản đồ kết quả điều tra (dạng số).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng các sản phẩm của dự án đúng quy định, có hiệu quả, hợp lý và bền vững; công bố, công khai kết quả dự án Tổng điều tra đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn trên cổng thông tin điện tử của sở; tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả về Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường căn cứ kết quả dự án Tổng điều tra đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng đất đúng quy định, có hiệu quả, hợp lý và bền vững.

3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (02 bản);
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN_(NNT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Hữu Học